TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/2023/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 23 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84,110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 252/2022/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Chị Lê Thị Thu T, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Thôn 2, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đức V, Chị Lê Thị Thu T qua quá trình tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S vào ngày 11/7/2022. Quá trình sống chung anh, chị xảy ra mâu thuẫn với lý do anh V không lo làm ăn, cờ bạc. Anh, chị không còn sống chung từ khi chị V sinh con cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân, hai bên gia đình cũng động viên để vợ chồng hàn gắn lại vì con còn quá nhỏ nhưng cả hai xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống và giải thoát cho đôi bên. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và Anh Nguyễn Đức V xác định có 01 con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 13/02/2023. Chị Lê Thị Thu T và Anh Nguyễn Đức V thỏa thuận giao con chung cháu Nguyễn Đức B cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho cháu Nguyễn Đức B mỗi tháng 3.000.000 đồng cho chị T nuôi con, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu T và Anh Nguyễn Đức V thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu T và Anh Nguyễn Đức V xác định có 01 con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 13/02/2023. Giao con chung Nguyễn Đức B cho Chị Lê Thị Thu T nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Vạn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Đức B định kỳ hàng tháng 3.000.000 đồng cho chị T nuôi con, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 5/2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, một trong các bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thu T và Anh Nguyễn Đức V xác định là không có.

1.4. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị Thu Trang và Anh Nguyễn Đức V có nghĩa vụ chịu nhưng anh, chị đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số 0002526, ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xá Bình Nguyên;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Đình Chung